

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CHỮ MÔNG TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC MÔNG Ở KHU VỰC TÂY BẮC VIỆT NAM (Nghiên cứu trường hợp tại hai tỉnh Sơn La và Lai Châu)

NGUYỄN TRUNG KIÊN *

Tóm tắt: Chữ viết là một bộ phận quan trọng của ngôn ngữ. Khi một ngôn ngữ có chữ viết và chữ viết được sử dụng thường xuyên thì hiển nhiên ngôn ngữ đó sẽ có vị thế và sức sống. Tiếng Mông là tiếng mẹ đẻ của người Mông - một cộng đồng tộc người cư trú ở nhiều khu vực trên thế giới. Khác với nhiều ngôn ngữ chỉ có một bộ chữ viết, tiếng Mông hiện nay là ngôn ngữ có nhiều bộ chữ viết cùng tồn tại. Từ thực tiễn khảo sát tại khu vực Tây Bắc Việt Nam, bài viết của chúng tôi tập trung thảo luận về tình hình sử dụng chữ Mông trong cộng đồng dân tộc Mông.

Từ khóa: Chữ Mông, dân tộc Mông, sử dụng, khu vực Tây Bắc.

Abstract: The script is an important part of the language. If a language has its own script and its script is regularly, obviously, the language will have its position and vitality. Mong language is the mother tongue of the Mong people - an ethnic community residing in many areas of the world. Unlike many languages with only one set of scripts, Mong language is a language with many different scripts. Based on what we studied in the Northwest region of Vietnam, our article focuses on discussing the situation of using the Mong script in the Mong ethnic community.

Keywords: Mong script, Mong ethnic group, use, Northwest region.

1. Mở đầu

Năm 1961, theo nội dung của Nghị định số 206/CP, Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phê chuẩn phương án chữ Mèo⁽¹⁾. Sự kiện này cũng đánh dấu việc người Mông ở Việt Nam chính thức có chữ viết cho ngôn ngữ của mình. Bộ chữ này do hai tác giả Nguyễn Văn Chính và Phan Thanh nghiên cứu, biên soạn dựa trên bộ ký tự Latin theo nguyên lý ghi âm, lấy ngữ âm ngành Mông Hoa (Mông Lênh, Mông Si) ở vùng Sa Pa

(Lào Cai) làm chuẩn, ngoài ra có bổ sung một số âm vị của các ngành Mông ở các địa phương khác. Sau hơn nửa thế kỷ, đến nay, trong đời sống của người Mông ở Việt Nam, ngoài bộ chữ Mông do hai tác giả trên biên soạn, còn có một bộ chữ Mông khác nữa được du nhập từ bên ngoài mà người Mông vẫn thường quen gọi bằng nhiều tên khác nhau như: chữ Mông Lào, chữ Mông Mỹ, chữ Mông Khu vực, chữ Mông Quốc tế,... Để đánh giá về tình hình sử dụng chữ Mông của người Mông ở khu vực Tây Bắc Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu trường hợp (case study) bằng việc khảo sát thực tiễn⁽²⁾ đối với 220 mẫu tại bản Tà Xùa thuộc tỉnh Sơn La và bản Sin Suối Hồ thuộc tỉnh Lai Châu. Bài viết này nhằm góp thêm một góc nhìn về thực trạng sử dụng chữ Mông của người Mông hiện nay ở khu vực Tây Bắc Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Tây Bắc là một vùng địa lý quan trọng của cả nước, với diện tích 102.000 km² và có hơn 30 dân tộc cùng sinh sống. Từ trước tới nay, Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với khu vực Tây Bắc. Trong đó, những mục tiêu nổi bật là giữ vững về an ninh quốc phòng, phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn liền với nâng cao dân trí, gìn giữ, phát huy bản sắc các dân tộc.

Khu vực Tây Bắc hiện nay bao gồm 4 tỉnh là Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu. Người Mông cư trú ở cả 4 tỉnh nói trên. Trong đó, Sơn La và Lai Châu tuy là cùng thuộc một khu vực nhưng người Mông ở 2 tỉnh này có một số đặc điểm có

* ThS - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: kienvansl@gmail.com

thể đại diện cho vùng dân tộc Mông ở hai phía là Tây Bắc và Đông Bắc Việt Nam. Trong mỗi tỉnh, chúng tôi lại lựa chọn ra một địa bàn hẹp hơn để tiến hành nghiên cứu, giới hạn tại hai bản là Tà Xùa của tỉnh Sơn La và Sin Suối Hồ của tỉnh Lai Châu.

Bản Tà Xùa là bản trung tâm của xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Đối với huyện Bắc Yên, bản Tà Xùa nói riêng và xã Tà Xùa nói chung vẫn được coi là một vùng “lõi” về người Mông ở huyện Bắc Yên. 100% cư dân ở bản Tà Xùa và 5 xã vùng cao của huyện Bắc Yên đều là người Mông. Hiện nay, bản Tà Xùa có tổng số 111 hộ gia đình với số dân là 651 người. Người Mông ở đây phần lớn là người Mông Hoa (Mông Lênh, Mông Si). Kinh tế của người Mông ở bản Tà Xùa khá đa dạng. Ngoài những hoạt động nông nghiệp truyền thống như trồng lúa, ngô và chăn nuôi gia súc, người Mông ở bản Tà Xùa còn trồng chè, sơn tra và làm dịch vụ du lịch. Cùng với thời gian, Tà Xùa đã xây dựng cho mình được những thương hiệu nổi tiếng như *chè Tà Xùa* hay *thiên đường mây Tà Xùa*. Hàng năm, bản Tà Xùa đón số lượng khách du lịch lên đến hàng chục nghìn người, các hoạt động kinh doanh buôn bán ở bản Tà Xùa cũng diễn ra khá sôi nổi.

Tổng số	Giới tính		Tôn giáo (Tin Lành)	Nghề nghiệp			
	Nam	Nữ		Nông dân	Kinh doanh	Công chức, viên chức	Học sinh
651 (100%)	338 (51,92%)	313 (48,07%)	0 (0,0%)	542 (83,25%)	23 (3,53%)	9 (1,38%)	77 (11,8%)

Bảng 1. Số liệu thống kê về nhân khẩu bản Tà Xùa (tỉnh Sơn La) theo giới tính, tôn giáo, nghề nghiệp (đơn vị: người)

Tổng số	Giới tính		Tôn giáo (Tin Lành)	Nghề nghiệp			
	Nam	Nữ		Nông dân	Kinh doanh	Công chức, viên chức	Học sinh
674 (100%)	342 (50,74%)	332 (48,26%)	539 (79,97%)	545 (80,86%)	37 (5,48%)	11 (1,63%)	81 (12,01%)

Bảng 2. Số liệu thống kê về nhân khẩu bản Sin Suối Hồ (tỉnh Lai Châu) theo giới tính, tôn giáo, nghề nghiệp (đơn vị: người)

Sin Suối Hồ cũng là một bản nằm ở trung tâm của xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Hiện nay, bản Sin Suối Hồ có 130 hộ với 674 người Mông sinh sống. Đại bộ phận người Mông ở bản Sin Suối Hồ đều thuộc ngành Mông Hoa (Mông Lênh, Mông Si). Kinh tế của bản Sin Suối Hồ trong khoảng 10 năm trở lại đây có sự chuyển dịch rõ rệt, người dân chuyển từ kinh tế

nông nghiệp trồng lúa, ngô và chăn nuôi gia súc sang hoạt động trồng địa lan và kinh doanh du lịch, nhiều hợp tác xã trồng địa lan và kinh doanh du lịch theo hình thức Homestay được thành lập. Hàng năm, bản Sin Suối Hồ thu hút hàng vạn lượt khách du lịch trong nước và quốc tế đến thăm quan, nghỉ dưỡng. Sin Suối Hồ cũng là bản Mông có tỉ lệ người theo đạo Tin Lành đông đảo của tỉnh Lai Châu với khoảng 85% dân cư theo đạo Tin Lành.

Bài viết tập trung vào 2 địa bàn trên để tiến hành khảo sát về tình hình sử dụng chữ Mông của người Mông vì những lý do sau. Thứ nhất, 100% cư dân của hai bản Tà Xùa và Sin Suối Hồ đều là người Mông và đều thuộc ngành Mông Hoa (Mông Lênh, Mông Si). Thứ hai, hiện nay, cả hai bản trên đều có điểm tương đồng là những nơi phát triển du lịch, nghĩa là người Mông ở đây có sự tiếp xúc thường xuyên với những người thuộc các dân tộc khác. Thứ ba, cả Tà Xùa và Sin Suối Hồ đều nằm ở vị trí trung tâm của hai xã. Thứ tư, giữa hai bản có sự khác biệt về tôn giáo. Nếu như ở bản Sin Suối Hồ hầu hết người Mông theo đạo Tin Lành thì ở bản Tà Xùa lại không có cư dân nào theo đạo. Như vậy, với 4 lý do nêu trên, có thể thấy hai địa bàn được lựa chọn để tiến hành nghiên cứu có

những điểm tương đồng và khác biệt rất điển hình.

2.2. Khái lược về các loại chữ Mông

Dân tộc Mông là một dân tộc có bề dày lịch sử và cư trú tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới.

Tiếng Mông

hiện nay là ngôn ngữ mẹ đẻ của khoảng 10 triệu người được phân bố ở các quốc gia khác nhau. Mặc dù có lịch sử lâu dài nhưng các nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam đều thống nhất cho rằng *tiếng Mông từ xa xưa là một ngôn ngữ không có chữ viết*. Mặc dù trong truyện cổ của người Mông lưu truyền đến ngày nay vẫn có câu chuyện cho rằng xa xưa người Mông có chữ viết nhưng bị

bò ăn mất chữ. Tín ngưỡng của người Mông hiện nay, trong những dịp quan trọng như: tang ma, năm mới, lễ đặt tên,... người Mông thường dùng những tấm giấy bản màu trắng, trên có đục nhiều lỗ nhỏ tạo thành các đường nét hoa văn và họ cho rằng đó là những mật mã về thứ chữ cổ của ông cha mình. Hiện nay, tiếng Mông là một trong số rất ít các ngôn ngữ có nhiều bộ chữ viết khác nhau cùng tồn tại.

Ở Trung Quốc, năm 1904, giáo sĩ Samuel Pollard khi đến truyền đạo tại Vân Nam đã biên soạn ra loại chữ Mông gọi là *chữ Mông Pollard*. Người Mông ở Vân Nam đã học và biết loại chữ này, họ ghi chép Kinh thánh và Thánh ca bằng chữ Mông Pollard. Từ năm 1949 - 1954, Chính phủ Trung Quốc đã cho ra đời 3 bộ chữ Mông ghi theo mẫu tự Latin ở 3 khu vực là *chữ Mông Quý Châu*, *chữ Mông Hồ Nam* và *chữ Mông Vân Nam*. Ba bộ chữ này có sự chênh lệch nhau về số lượng phụ âm, nguyên âm và thanh điệu. Đến nay, tại 3 khu vực kể trên, người Mông vẫn đang sử dụng 3 bộ chữ này.

Ở Lào, trong khoảng 40 năm từ thập niên 50 đến thập niên 90 của thế kỷ 20 đã có 4 bộ chữ Mông ra đời. Cụ thể: năm 1950 có *chữ Mông Txwj Zeb*; năm 1953 có *chữ Mông Latin*; năm 1959 có *chữ Mông Sông Lì*; năm 1997 có *chữ Mông Tsuj Yig*. Trong đó, bộ chữ Mông Latin mà người Mông quen gọi là chữ Mông Quốc tế (tên tiếng Anh của loại chữ Mông này là Romanized Popular Alphabet - RPA hay *Hmong RPA*) có sức ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Ngày nay, người Mông ở Lào, Thái Lan, Mỹ, Úc, Canada,... đều thống nhất sử dụng chữ Mông Quốc tế làm âm chuẩn để phiên âm. Bộ chữ Mông Quốc tế được ghi âm dựa trên phương ngữ Mông Trắng (Mông Đơ). Và họ đã sử dụng bộ chữ Mông này để cho ra đời nhiều ấn phẩm văn hóa và truyền thông.

Ở Mỹ, vào năm 1990 và ở Thái Lan, vào năm 1991 có sự xuất hiện của bộ *chữ Mông tượng hình hoa văn trang trí trên trang phục*. Tuy nhiên, bộ chữ này không có tính chất phổ biến rộng trong cộng đồng người Mông.

Ở Việt Nam, năm 1917, linh mục Father M.

Savina đã biên soạn ra *bộ chữ phiên âm tiếng Mông* để truyền đạo Kitô trong vùng dân tộc Mông. Tuy nhiên, cho đến nay, hầu như không còn người Mông nào ở Việt Nam biết đến bộ chữ này. Năm 1961, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phê chuẩn phương án chữ Mèo, hai tác giả là Nguyễn Văn Chính và Phan Thanh đã biên soạn ra bộ chữ Mông dựa trên bộ ký tự Latin, lấy phương ngữ Mông Hoa (Mông Lệnh, Mông Si) của vùng Sa Pa (Lào Cai) làm chuẩn. Bộ chữ Mông này đã được đưa vào giảng dạy ở các địa phương có người Mông sinh sống trong một số khoảng thời gian của lịch sử và cho đến tận ngày nay. Trong đời sống xã hội, người ta vẫn quen gọi bộ chữ Mông ra đời năm 1961 ở Việt Nam là *chữ Mông Việt Nam*.

2.3. Kết quả điều tra

(Xem Bảng 3, 4, 5, 6)

Bản	Tổng số	Tỉ lệ	Biết		Không biết	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tà Xùa	110	100%	67	60,90%	43	39,10%
Sin Suối Hồ	110	100%	102	92,72%	8	7,28%

Bảng 3. Kết quả điều tra về số lượng người Mông biết chữ Mông

Bản	Tổng số người biết chữ Mông	Tỉ lệ	Chữ Mông Khu vực		Chữ Mông Việt Nam	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tà Xùa	67	100%	60	89,55%	7	10,45%
Sin Suối Hồ	102	100%	100	98,03%	2	1,97%

Bảng 4. Kết quả điều tra về số lượng người Mông biết từng loại chữ Mông

2.4. Một số ý kiến thảo luận

2.4.1. Ý kiến thảo luận thứ nhất: Kết quả điều tra tại bảng 3 cho thấy, xét về tiêu chí định lượng, người Mông biết chữ Mông có tỉ lệ tương đối cao. Tại Tà Xùa tỉ lệ người Mông biết chữ là 60,90%, tại Sin Suối Hồ tỉ lệ này còn cao hơn nữa với 92,72%. Những người Mông thuộc nhóm biết chữ Mông xét theo biến tuổi tác thường là những người có tuổi đời dưới 60 tuổi; xét theo biến giới tính thì dường như không có sự chênh lệch về tỉ lệ người biết chữ giữa nam và nữ; xét theo biến nghề nghiệp thì học sinh người Mông có tỉ lệ biết chữ cao nhất sau đó là công chức - viên chức và cuối

Mục đích sử dụng chữ Mông			Viết thư	Nhắn tin	Xem vi deo/ phim	Hát karaoke	Đọc sách, báo	Viết sách	Đọc Kinh thánh
Tà Xùa	Số lượng	67	5	67	67	38	6	0	0
	Tỉ lệ	100%	7,46%	100%	100%	56,71%	8,95%	0,00%	0,00%
Sin Suối Hồ	Số lượng	102	8	102	102	89	15	2	102
	Tỉ lệ	100%	7,84%	100%	100%	87,25%	14,70%	1,96%	100%

Bảng 5. Kết quả điều tra về mục đích người Mông sử dụng chữ Mông

Bản	Số lượng	Tỉ lệ	Thích học		Không thích học	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tà Xùa	110	100%	101	91,81%	9	8,19%
Sin Suối Hồ	110	100%	107	97,27%	3	2,73%

Bảng 6. Kết quả điều tra về thái độ của người Mông đối với chữ Mông

cùng là những người làm nghề buôn bán và làm nông nghiệp; xét theo biên tôn giáo thì có sự chênh lệch rõ rệt, người Mông theo đạo Tin Lành ở Sin Suối Hồ có tỉ lệ người biết chữ cao hơn hẳn so với người Mông không theo đạo ở Tà Xùa. Trong Bảng 6, người Mông không biết chữ Mông tại Tà Xùa là 39,10% và tại Sin Suối Hồ là 7,28%, họ đều là những người trên 60 tuổi. Điều đáng lưu ý là mặc dù không biết chữ Mông nhưng họ lại rất thành thạo tiếng Mông, có nhiều người là thầy mo, thầy cúng trong cộng đồng người Mông. Nghĩa là những người truyền dạy tiếng Mông bằng phương thức truyền miệng cho con cháu là những người trong cộng đồng mình.

2.4.2. *Ý kiến thảo luận thứ hai:* Kết quả khảo sát tại Bảng 4 cho thấy, trong số những người Mông biết chữ Mông thì tỉ lệ người Mông biết từng loại chữ Mông lại có sự chênh lệch lớn. Cụ thể, người Mông ở Tà Xùa và Sin Suối Hồ biết chữ Mông Khu vực chiếm tỉ lệ cao (89,55% và 98,03%), trong khi đó tỉ lệ người biết chữ Mông Việt Nam ở hai địa bàn này lại rất thấp (8,19% và 2,73%). Điều đáng nói ở đây là bộ chữ Mông Việt Nam ra đời năm 1961 vốn được biên soạn dựa trên ngữ âm của ngành Mông Hoa (Mông Lệnh, Mông Si), ngành Mông này cũng chính là ngành Mông của những cư dân hiện đang sinh sống tại hai địa phương trên. Vì thế, nếu viện dẫn lý do bộ chữ Mông Việt Nam không phổ biến trong vùng dân tộc Mông vì sự khác biệt về ngữ âm giữa các ngành Mông thì luận điểm đó hoàn toàn không thuyết phục. Bởi vì, người Mông Lệnh (Mông Hoa, Mông Si) tại Tà Xùa và

Sin Suối Hồ hiện nay, cảm thấy “xa lạ” với bộ chữ Mông được ghi bằng chính ngữ âm của ngành Mông tại địa phương mình. Trong khi đó, bộ chữ Mông Khu vực (chữ Mông

Quốc tế) vốn được biên soạn dựa trên ngữ âm của ngành Mông Trắng (Mông Đơ) - không phải ngành Mông thuộc hai địa phương trên thì hiện nay lại đang có xu hướng phổ biến. Vậy bộ chữ Mông được biên soạn dựa trên ngữ âm của ngành Mông Trắng tại sao lại có tỉ lệ người Mông biết và sử dụng nhiều đến như vậy? Luận điểm này, theo chúng tôi cũng cần được tiếp tục thảo luận. Phải chăng do chữ Mông Khu vực có nhiều ấn phẩm xuất bản và ấn phẩm truyền thông nên có tỉ lệ người Mông sử dụng nhiều hơn? Từ thực tiễn điền dã ngôn ngữ học cho thấy, người Mông biết được chữ Mông khu vực (chữ Mông Quốc tế) phần lớn đều thông qua con đường *tự học, tự tìm hiểu*. Người biết nhiều dạy cho người biết ít, người biết ít dạy cho người chưa biết chữ bản thân họ chưa từng được học tập, bồi dưỡng chữ Mông thông qua một hệ thống trường lớp chính quy hay bồi túc nào cả. Bằng tự học mà người Mông ở Tà Xùa - nơi không có ảnh hưởng của yếu tố tôn giáo (đạo Tin Lành) vẫn có tỉ lệ người biết chữ Mông lên đến 60,9% thì ở Sin Suối Hồ - khi việc học chữ Mông Khu vực (chữ Mông Quốc tế) trở thành một nhu cầu bắt buộc của các tín đồ (để có thể đọc và hiểu được Kinh Thánh) thì tỉ lệ người Mông biết chữ Mông là 92,72% cũng là điều rất dễ hiểu. Những phân tích từ thực tiễn nêu trên có lẽ cũng phần nào cho chúng ta thấy được những mảng màu khác nhau của bức tranh các bộ chữ Mông trong đời sống của người Mông ở khu vực Tây Bắc hiện nay.

2.4.3. *Ý kiến thảo luận thứ ba:* Kết quả khảo sát về mục đích sử dụng chữ Mông tại Bảng 5 cho

thấy người Mông ở Tà Xùa và Sin Suối Hồ sử dụng chữ Mông cho *mục đích giao tiếp* (nhắn tin) và *giải trí* (xem phim, video) chiếm tỉ lệ cao nhất với 100%. Người Mông sử dụng chữ Mông với mục đích đọc sách báo và viết sách có tỉ lệ thấp nhất với trên dưới 10% và trên dưới 1%. Riêng ở Sin Suối Hồ, vì nhu cầu học Kinh thánh trở thành một yêu cầu bắt buộc với các tín đồ, cho nên người Mông ở đây còn sử dụng chữ Mông để đọc hiểu Kinh thánh nữa, mục đích này chiếm tỉ lệ cao tuyệt đối với 100%. Như vậy, từ những số liệu khảo sát cho thấy *chữ Mông cùng với tiếng Mông chính là một công cụ rất quan trọng để kết nối cộng đồng dân tộc Mông*, giúp họ gìn giữ, bảo tồn và trao truyền những giá trị văn hóa tộc người của dân tộc mình.

2.4.4. *Ý kiến thảo luận thứ tư*: Kết quả khảo sát tại bảng 6 cho thấy, người Mông thích học chữ Mông chiếm tỉ lệ cao với 91,81% ở Tà Xùa và 97,27% ở Sin Suối Hồ. Những người không thích học chữ Mông ở hai địa phương trên đều là những người cao tuổi. Họ cho rằng bản thân tuổi đã cao, học chữ khó nên có ý kiến là không muốn học. Còn lại, đại bộ phận người Mông khi được hỏi đều muốn biết chữ Mông cùng với chữ Quốc ngữ. Chữ Mông chính là công cụ hữu hiệu để người Mông bảo tồn văn hóa, còn chữ Quốc ngữ là công cụ quan trọng giúp cho người Mông hội nhập với sự phát triển chung của cả nước. Kết quả điền dã cũng ghi nhận việc người Mông không có thái độ kỳ thị đối với các loại chữ Mông. Người Mông cho rằng *dù là loại chữ Mông nào chỉ cần dễ học, dễ nhớ, dễ sử dụng; có thể dùng để trao đổi thông tin, tư tưởng tình cảm trong cộng đồng mình thì*

1. Ông/bà/anh/chị/em có biết chữ Mông không?
2. Ông/bà/anh/chị/em vui lòng đọc đoạn văn viết bằng chữ Mông sau đây.
3. Loại chữ Mông mà ông/bà/anh/chị/em biết là loại chữ Mông nào? (chữ Mông Việt Nam hay chữ Mông Khu vực (chữ Mông Quốc tế)?
4. Ông/bà/anh/chị/em thường sử dụng chữ Mông để làm gì?
- 5 Trong gia đình của ông/bà/anh/chị/em có sách, báo bằng chữ Mông không?
6. Ông/bà/anh/chị/em có thích học chữ Mông không?
7. Tại sao ông/bà/anh/chị/em thích học chữ Mông?
8. Ông/bà/anh/chị/em đã học chữ Mông bằng cách nào?

Bảng 7. Bảng hỏi dùng để phỏng vấn

đều hữu ích và đáng quý (Ý kiến của bà Giàng Thị Mỹ, 28 tuổi, bản Sin Suối Hồ). Quan niệm này về chữ Mông của người Mông tại Tà Xùa và Sin Suối Hồ xuất phát từ tình cảm yêu quý từng con chữ Mông của người Mông. Và những ý kiến như thế, biết đâu lại trở thành một gợi ý để công tác hoạch định về chính sách ngôn ngữ và quản lý văn hóa đối với người Mông ở Việt Nam tìm được những giải pháp thực sự phù hợp và hữu hiệu trong công tác tổ chức giảng dạy, phổ biến chữ Mông hiện nay tại khu vực Tây Bắc Việt Nam.

Cur tsêr

Cur tsêr nhoz ntourv ntangr trôngz saz. Tsêr khoangz thaov haz lăngx nzas. Tsêr tuôr cxangx. Kraor yo-angz zênhv thaz kraor trôngx zaos muôz ntông uô. Tsêr vur vuôl, ndêx tsêr zaos têx tul ntông lux thaz khênhx, yangr puôv đrangr phaos thaz hur si. Cur tsêr hax muôx iz luz rour đêx cxiv thur chiz. Đêx tâu chu lour tul char đêx pêv kraor đêx lul. Cur luz tsêr tuz uô nêr lul lak, tangz tsênhv chuô yaz cha. Ndis lênhl tao vangx, tao tsêr muôx ntau zangv ntông naox txir. (Cao đẳng Sư phạm Lào Cai, *Tài liệu học tiếng Mông*, tr.52)

Bảng 8. Đoạn văn viết bằng chữ Mông Việt Nam dùng để khảo sát

Kuv lub tsev

Kuv lub tsev nyob puag saum toj roob siab. Kuv lub tsev dav thiab nyob laj cua heev, lub tsev yog tsev puab av, qhov rooj tsev yog muab ntoo ua. Saum qaum tsev vov vuas. Sab nraum tsev yog ib lub tiaj huv si thiab muaj ib lub pas dej siv gach nkaig ua. Dej ntws raws lub raj puas pem hauv dej los. Kuv lub tsev twb ua tau ntev heev lawm tiam sis ntshia tseem zoo thiab tsiab heev. Nyob ib ncig kuv vaj tse yog txiv xyob txiv ntoo.

(Giàng Thị Mỹ, Giáo viên mầm non, bản Sin Suối Hồ viết)

Bảng 9. Đoạn văn viết bằng chữ Mông Khu vực (Chữ Mông Quốc tế) dùng để khảo sát

3. Kết luận

Như vậy, trong đời sống của cộng đồng người Mông ở khu vực Tây Bắc Việt Nam hiện nay đang tồn tại hai loại chữ Mông là chữ Mông Việt Nam (ra đời năm 1961) và chữ Mông Khu vực (được du nhập từ cộng đồng người Mông sinh sống ở ngoài lãnh thổ Việt Nam). Điểm tương đồng giữa hai bộ

chữ Mông này là đều sử dụng hệ ký tự Latin để ghi âm tiếng Mông theo những cách khác nhau. Hiện nay, trong đời sống của người Mông, cả hai loại chữ Mông nói trên vẫn đang hành chức ở những phạm vi khác nhau. Hàng ngày, người Mông thường xuyên tiếp xúc với chữ Mông Việt Nam thông qua một số chương trình phát trên đài truyền hình trung ương và đài truyền hình địa phương. Đội ngũ công chức, viên chức là người Mông và người dân tộc khác cũng đang nỗ lực trong học tập và bồi dưỡng để đạt được “Chúng chỉ tiếng Mông” nhằm tuyên truyền về chủ trương, đường lối và chuyển giao khoa học kỹ thuật đến với người Mông bằng chữ Mông Việt Nam. Tuy nhiên, người Mông sống ở khu vực Tây Bắc Việt Nam mà cụ thể là tại những địa bàn lựa chọn để khảo sát cho thấy họ đang đứng trước nguy cơ mù chữ Mông Việt Nam và ngày càng thông hiểu nhiều hơn về chữ Mông Khu vực.

CHÚ THÍCH

¹ Ngày nay, thống nhất cách gọi và cách viết là dân tộc Mông.

² Một số bảng dùng để phỏng vấn, khảo sát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định về việc ban hành chương trình tiếng Mông dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi*, Hà Nội, 2006.
- [2] Trần Trí Dồi, *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2016.
- [3] Lý Tùng Hiếu, *Xây dựng, sửa đổi chữ viết các tộc người thiểu số ở Việt Nam: Những quan niệm phiến diện về công năng của chữ*, <http://www.vanhoahoc.com>, 2009.
- [4] Nguyễn Trung Kiên, *Dân tộc Mông và tiếng Mông ở Việt Nam, Ngôn ngữ và Đời sống*, số 2, 2017.
- [5] Nguyễn Năng Tân (Chủ biên), *Hmôngz nturor*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- [6] Nguyễn Kiến Thọ, *Vấn đề lựa chọn chữ Mông trong đào tạo, bồi dưỡng tiếng Mông hiện nay (Nhìn từ thực tiễn hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên)*, *Tap chí Khoa học - Đại học Tân Trào*, số 3, 2016.
- [7] Thủ tướng Chính phủ, Nghị định 206-CP ngày 27 tháng 11 năm 1961.
- [8] Cư Hòa Vàn (Chủ biên), *Từ điển Mông - Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001.

⇒ Tiếp theo trang 6 (HƯ TỪ PHỦ ĐỊNH TRONG THƠ LÊ ĐẠT)

mát không dễ xóa đi hay voi cạn. Cùng với đó là giọng điệu của cái tôi trữ tình thường buông lời lạnh lùng *Tôi đi đây chẳng gì níu chân nhau nữa* hay cất lời chất vấn *Sao chẳng thấy một lòng nào mở?* Đó là những giá trị biểu hiện của hư từ phủ định.

Bên cạnh đó, hư từ phủ định cũng góp phần tạo ra phong cách thơ Lê Đạt. Đó là những cách kết hợp lạ lùng, bất thường so với các kết hợp của ngữ pháp truyền thống, kiểu: *Lời già sóng hát chữa thôi nói*. Có thể nói, Lê Đạt đã xác lập một ngữ pháp riêng cho thơ mình, khiến các kết hợp từ ngữ trở nên đa tầng, đa nghĩa và gọi nhiều liên tưởng bất ngờ.

5. Kết luận

Hư từ phủ định trong thơ Lê Đạt bao gồm các từ: *không, chẳng, chưa* với tần số 108 lần xuất hiện qua 312 bài thơ. Các từ này chủ yếu kết hợp với các động từ, thể hiện nội dung phủ định đối

với các hoạt động, trạng thái của cuộc sống con người. Hoạt động ngữ nghĩa của *không, chẳng, chưa* trong thơ Lê Đạt có sự tiếp biến và ánh xạ từ *không, chẳng, chưa* trong ngôn ngữ tự nhiên. Đó là các hướng nghĩa: phủ nhận sự tồn tại, phủ nhận kèm đánh giá sự tồn tại là bất thường, phủ nhận kèm đánh giá sự tồn tại là dưới chuẩn. Tuy nhiên, hoạt động của các hư từ trong thơ Lê Đạt lại có những sự kết hợp đặc biệt, không theo quy tắc ngữ pháp thông thường. Những kết hợp đó tạo ra những hướng nghĩa phong phú và phong cách riêng của nhà thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Đạt, *Đường chữ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007.
- [2] Bùi Thanh Hoa, *Đồng nghĩa của hư từ tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2016.
- [3] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2003.